

Số: 450/TB-CSĐP

Bình Phước, ngày 07 tháng 03 năm 2024

## THÔNG BÁO

Về việc lựa chọn đơn vị tổ chức bán đấu giá nhượng quyền khai thác mỏ cao su  
“Tài sản nhượng quyền khai thác: 205,85 ha cây cao su của  
Công ty cổ phần cao su Đồng Phú”

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số: 01/2016/QH 14 được Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2016;

Căn cứ Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ tư pháp về việc hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 18 /QĐ-HĐQTCSĐP ngày 06/03/2023 của Hội đồng quản trị Công ty CP cao su Đồng Phú, V/v phê duyệt phương án nhượng bán quyền khai thác mỏ cao su năm 2024 để giải quyết tình trạng thiếu lao động.

Nay, Công ty CP cao su Đồng Phú thông báo về việc lựa chọn, đơn vị tổ chức bán đấu giá nhượng quyền khai thác mỏ: “Tài sản nhượng quyền khai thác: 205,85 ha cây cao su của Công ty CP cao su Đồng Phú”, gồm các nội dung sau đây:

**1. Tên, địa chỉ của người có tài sản bán đấu giá:**

- Tên chủ tài sản: Công ty cổ phần cao su Đồng Phú;
- Địa chỉ: xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, Bình Phước.

**2. Tên tài sản, số lượng, chất lượng của tài sản đấu giá:**

- Tên tài sản đấu giá: Nhượng quyền khai thác mỏ cao su năm 2024 của Công ty CP cao su Đồng Phú.
- Tổng diện tích nhượng quyền khai thác: 205,85 ha.

**3. Giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá:**

Giá khởi điểm của diện tích nhượng quyền khai thác mỏ cao su như sau:

- Tổng giá khởi điểm của tài sản nhượng quyền khai thác: 5.187.900.000 đồng (Năm tỷ, một trăm tám mươi bảy triệu, chín trăm ngàn đồng).

4. Tiêu chí lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản gồm các nội dung sau:

**BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN**

| TT  | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                | MỨC TỐI ĐA |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| I   | Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá                                                                                                                                                          | 23,0       |
| 1   | Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá                                                                                                                                                                                                                 | 11,0       |
| 1.1 | Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)                                                                                                                                              | 6,0        |
| 1.2 | Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện                                                                                                                                                               | 5,0        |
| 2   | Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá                                                                                                                                                                                                       | 8,0        |
| 2.1 | Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá                                                                                                                   | 4,0        |
| 2.2 | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá                                                                                                                              | 4,0        |
| 3   | Có trang thông tin điện tử đang hoạt động                                                                                                                                                                                                               | 2,0        |
| 4   | Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến                                                                                                                                                             | 1,0        |
| 5   | Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá                                                                                                                                                                                                                            | 1,0        |
| II  | Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)                                                                                                                                                                   | 22,0       |
| 1   | Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan                                                                                                                               | 4,0        |
| 2   | Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao | 4,0        |
| 3   | Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, đùm giã                                                                                                                                                                        | 4,0        |
| 4   | Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá                                                                                                                   | 4,0        |
| 5   | Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá                                                                                                                                                 | 3,0        |
| 6   | Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá                                                                                                                              | 3,0        |
| III | Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản                                                                                                                                                                                             | 45,0       |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 1   | Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5                                                                                     | 6,0  |
| 1.1 | Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2,0  |
| 1.2 | Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 3,0  |
| 1.3 | Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4,0  |
| 1.4 | Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5,0  |
| 1.5 | Từ 30 hợp đồng trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 6,0  |
| 2   | Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)<br><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5 | 18,0 |
| 2.1 | Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 10,0 |
| 2.2 | Từ 20% đến dưới 40%                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 12,0 |
| 2.3 | Từ 40% đến dưới 70%                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 14,0 |
| 2.4 | Từ 70% đến dưới 100%                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 16,0 |
| 2.5 | Từ 100% trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 18,0 |
| 3   | Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực)<br><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3                                                                                       | 5,0  |
| 3.1 | Dưới 03 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3,0  |
| 3.2 | Từ 03 năm đến dưới 05 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4,0  |
| 3.3 | Từ 05 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5,0  |
| 4   | Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản<br><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 3,0  |
| 4.1 | 01 đấu giá viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1,0  |
| 4.2 | Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2,0  |
| 4.3 | Từ 05 đấu giá viên trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 3,0  |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |     |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 5   | Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản) | 4,0 |
|     | Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |     |
| 5.1 | Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2,0 |
| 5.2 | Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3,0 |
| 5.3 | Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4,0 |
| 6   | Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5,0 |
|     | Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |     |
| 6.1 | Dưới 50 triệu đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2,0 |
| 6.2 | Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3,0 |
| 6.3 | Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4,0 |
| 6.4 | Từ 200 triệu đồng trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5,0 |
| 7   | Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 3,0 |
| 7.1 | Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2,0 |
| 7.2 | Từ 03 nhân viên trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 3,0 |
| 8   | Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1,0 |
| IV  | Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5,0 |
| 1   | Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 3,0 |
| 2   | Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)                                                                                                                                                                                  | 4,0 |
| 3   | Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)                                                                                                                                                                            | 5,0 |
| V   | Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5,0 |
| 1   | Là tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố, có uy tín, có trụ sở chính nằm trên địa bàn tỉnh Bình Phước, tỉnh Bình Dương hoặc TP Hồ Chí Minh.                                                                                                                                                                                                                                          | 3   |
| 2   | Chào mức thù lao dịch vụ đấu giá tài sản (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2   |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                              |            |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ tài chính) và chi phí tổ chức đấu giá tài sản (theo khoản 2 điều 66 Luật đấu giá) thấp nhất so với các tổ chức đấu giá tham gia đợt này (cần thống kê rõ chi phí tổ chức đấu giá tài sản) |            |
| <b>Tổng số điểm</b>                                                                                                                                                                                                                                                                          | <b>100</b> |

**Lưu ý:** Tổ chức đấu giá chịu trách nhiệm đối với các thông tin, các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn của mình.

- Tiêu chí Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá: *Tổ chức đấu giá phải cung cấp toàn bộ hồ sơ (Hợp đồng, phụ lục hợp đồng nếu có, biên bản thanh lý hợp đồng, hoá đơn) cùng loại với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá, nếu không có hồ sơ chứng minh Công ty sẽ chấm điểm mục này ở mức tối thiểu.*

- Tiêu chí Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng: *Tổ chức đấu giá cung cấp chứng từ nộp thuế vào ngân sách nhà nước theo mẫu C1-02/NS và giấy nộp tiền, nếu không có hồ sơ chứng minh Công ty sẽ chấm điểm mục này ở mức tối thiểu.*

- Tiêu chí Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động: *Tổ chức đấu giá phải chứng minh Hợp đồng sử dụng lao động ký kết hai bên, nếu không có hồ sơ chứng minh Công ty sẽ chấm điểm mục này ở mức tối thiểu.*

#### **5. Thời gian nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá:**

- Thời gian nhận hồ sơ: từ ngày 08/03/2024 đến hết 16 giờ 30 ngày 12/03/2024.
- Địa điểm nộp hồ sơ: tại phòng Kế hoạch – Cty CP cao su Đồng Phú
- Địa chỉ: xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, Bình Phước.
- Số điện thoại: 02713 819786

(Lưu ý: người nộp phải mang theo CMND hoặc thẻ căn cước và giấy giới thiệu; không trả lại hồ sơ đối với các tổ chức không được lựa chọn).

Công ty cổ phần cao su Đồng Phú trân trọng thông báo các đơn vị tổ chức đấu giá biết và đăng ký tham gia. Trân trọng thông báo!

#### **Nơi nhận:**

- Các đơn vị TCĐGTS
- Tổng giám đốc Cty
- Lưu: VT; KH

